TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5- AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: **06** /2026/HNGĐ-ST*
Ngày: 08/01/2026
V/v:"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung**
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Thanh Tuấn**;
2. Bà **Trần Thị Mộng Tưởng**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Thanh Nhã- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 368/2025/QĐXX-ST ngày 17 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Chúc T**, sinh năm 1985
Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh An Giang.
(Chị T có mặt)
Bị đơn: Anh **Đào Văn B**, sinh năm 1982
Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh An Giang.
(Anh B có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/9/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà nguyên đơn chị Đặng Chúc T trình bày: Vào năm 2003 chị và anh Đào Văn B cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 07/8/2003.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó thời gian đến tháng 5 năm 2021 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, chủ yếu về vấn đề kinh tế thường hay xảy ra cự cải, không hợp nhau về tính tình và cách sống dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung và vợ chồng không còn hạnh phúc nữa.

Vợ chồng mặc dù sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến nhau, chuyện ai người đó làm và đã sống ly thân từ năm 2025 cho đến nay.

Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh B nữa nên chị quyết định ly hôn với anh B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh B có 02 con chung tên Đào Đặng Chí H, sinh ngày 10/11/2015 và Đào Thị D, sinh ngày 07/10/2004 hiện nay cháu D đã trưởng thành còn cháu H đang sống cùng vợ chồng chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn về phần nợ thì vợ chồng cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị Đặng Chúc T yêu cầu:

- *Về hôn nhân:* Xin ly hôn với anh Đào Văn B

- *Về con chung:* Yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đào Đặng Chí H, sinh ngày 10/11/2015 và không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Đối với con chung tên Đào Thị D, sinh ngày 07/10/2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Đào Văn B trình bày tại bản tự khai ngày 01/12/2025 và đơn xin vắng mặt ngày 17/12/2025 như sau: Anh B thống nhất theo ý kiến trình bày của chị T về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nay chị T yêu cầu xin ly hôn với anh thì ý kiến anh như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Đặng Chúc T

- Về con chung: Đồng ý giao con chung tên Đào Đặng Chí H, sinh ngày 10/11/2015 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung tên Đào Thị D, sinh ngày 07/10/2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh B. Anh B có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đặng Chúc T khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn anh Đào Văn B có địa chỉ ấp H, xã H, tỉnh An Giang. Căn cứ vào

khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang đã triệu tập hợp lệ anh B tham gia phiên tòa nhưng bị đơn anh B vẫn tiếp tục vắng mặt và có đơn xin vắng mặt đồng thời tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng anh B là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2003 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2021 anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị T nguyên nhân chủ yếu về vấn đề kinh tế thường hay xảy ra cự cải, không hợp nhau về tính tình và cách sống dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung và vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, mặc dù sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến nhau, chuyện ai người đó làm. Thực tế vợ chồng chị đã sống trong tình trạng ly thân trong thời gian từ năm 2025 cho đến nay và vấn đề này cũng được anh B xác nhận đồng thời anh B cũng đồng ý ly hôn với chị T. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh B đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B để ổn định cuộc sống. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh B là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh B xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung tên Đào Đặng Chí H, sinh ngày 10/11/2015 và Đào Thị D, sinh ngày 07/10/2004. HĐXX xét thấy hiện nay cháu D đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết còn cháu H đang sống cùng vợ chồng chị T, anh B. Chị T có yêu cầu được chăm sóc, nuôi nưỡng cháu H và anh B cũng tự nguyện đồng ý đồng thời cũng phù hợp theo nguyện vọng của con nên cần tiếp tục giao cháu H cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã giải thích cho chị T về quyền yêu cầu về quyền, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nhưng chị T xác định không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, xét thấy việc chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời cũng phù hợp theo ý kiến trình bày của anh B tại bản tự khai ngày 01/12/2025. Do đó, về phần tài sản chung HĐXX không xem xét nếu sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về nợ chung: Chị T xác nhận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời cũng phù hợp theo ý kiến trình bày của anh B tại bản tự khai ngày 01/12/2025 nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Chúc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Chúc T và anh Đào Văn B.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị T và anh B là giao con chung tên Đào Đặng Chí H, sinh ngày 10/11/2015 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi (Phù hợp theo nguyện vọng của con), anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị T và anh B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là

300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai số 0004892 ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh A; chị T không phải nộp thêm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *VKSND khu vực 5- An Giang;*
- *THADS tỉnh An Giang;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Hoà Hưng;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lữ Cẩm Nhung